

基幹 2 号系統専用車「日野自動車」車両の変遷 一覧表

S60.4	S60.8	S61.9	H1.7	H3.9	H5.3	H8.3	H8.8	H9.3	H11.3	H12.3	H13.3	H15.3	H15.12	H16.12	H19.12	H22.12	H24.3	
KH1				RH1		x												
KH2				RH2		x												
KH3				RH3		研修車8号車						x						
KH4				RH4		x												
KH5				RH5		x												
KH6				RH6		x												
KH7				RH7		x												
KH8				RH8		x												
KH9						x												
KH10						x												
KH11						x												
KH12						x												
KH13						x												
KH14						x												
KH15						x												
KH16						x												
KH17						x												
	KH18					x												
		KH19			RH19		研修車9号車					x						
		KH20			RH20		KH20		x									
			KH21		RH21							x						
				KH22					C1							x		
				KH23					C2							x		
				KH24					C3							x		
				KH25					RH25	C9				x				
				KH26					RH26	C12				x				
				KH27					RH27			x						
				KH28					RH28			x						
				KH29					RH29			x						
				KH30					RH30			x						
				KH31					RH31			x						
					KH32								RH32(中川II)		x			
					KH33								RH33(中川一猪高)		x			
					KH34										x			
					KH35										x			
					KH36										x			
					KH37										x			
					KH38										x			
					KH39										x			
					KH50										x			
					KH51										x			
					KH52										x			
							KH53								x			
							KH54								x			
							KH55								x			
							KH56								x			
							KH57								x			
							KH58								x			
							KH59								x			
							KH60								x			
							KH61								x			
								KH62								x		
								KH63									x	